TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 29/8/2025
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất; về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Diện

2. Bà Nguyễn Thị Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Ma Văn T, sinh năm 1959, bà Nông Thị T1, sinh năm 1962; cùng trú tại: Thôn T, xã H, tỉnh Tuyên Quang, (ông T đã ủy quyền cho bà T1 theo giấy ủy quyền lập ngày 08/5/2024) bà T1 có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Mồng Văn Đ, sinh năm 1975, bà Ma Thị L, sinh năm 1978; cùng trú tại: Thôn L, xã H, tỉnh Tuyên Quang, đều vắng mặt;

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Mồng Văn Đ và bà Ma Thị L là ông:* Mồng Đức L1, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn M, xã Q, tỉnh Tuyên Quang (theo giấy ủy quyền lập ngày 20/5/2024) có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chủ tịch UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang ông Nguyễn Bá T2. Đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Quang Hùng - Chức vụ Phó trưởng phòng kinh tế xã Bằng Hành, tỉnh Tuyên Quang (theo giấy ủy quyền lập ngày 08/7/2025, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2024 cùng bản tự khai và biên bản lấy lời khai bổ sung nguyên đơn bà Nông Thị T1 trình bày:

Năm 1987 bà cùng chồng là ông Ma Văn T khai phá đất vườn rừng tại thôn T, xã Đ, huyện Q để trồng sắn, đến tháng 4 năm 1992 ông Ma Văn T có đơn xin mượn đất làm vườn rừng, tháng 5 năm 1992 gia đình bà được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang) cấp sổ Lâm bạ với tổng diện tích là 0,55 ha có tứ cận, phía Đông giáp đất hoang, phía Tây giáp khe + nhà, phía Nam giáp đầm lầy, phía Bắc giáp đất nhà ông Ma Trọng H. Từ năm 1987 đến năm 1990 gia đình bà trồng sắn, từ năm 1991 đến nay gia đình bà trồng cây keo, từ khi trồng đến nay thu hoạch và bán được 03 lần cụ thể:

Lần thứ nhất và lần thứ hai bán cho ông Nguyễn Đình T3 ở thôn T xã Đ, huyện Q được khoảng 5 - 7 triệu đồng (do lâu ngày bà không nhớ chính xác).

Lần thứ ba bán cho anh Nguyễn Văn D ở thôn T xã Đ được 13 triệu đồng, từ ngày khai phá đến nay gia đình bà vẫn đang sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai và hiện nay vẫn đang trồng cây keo. Năm 2023 gia đình bà có nguyện vọng chuyển đổi mục đích để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà phát hiện một phần đất của bà (khoảng 2.500 m^2) đã cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Mồng Văn Đ và bà Ma Thị L, bà có đến trao đổi với vợ chồng ông Đ thì ông Đ nói rằng do Nhà nước cấp, ông không biết. Việc nhà ông Đ được cấp từ bao giờ thì bà không biết và không được ký vào hộ giáp ranh liền kề. Vụ việc đã được thôn, xã Đ hòa giải nhưng không thành. Từ những lý do trên ông Ma Văn T và bà Nông Thị T1 khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5- Tuyên Quang xem xét giải quyết những nội dung sau:

Buộc ông Đ và bà L trả lại cho gia đình ông bà khoảng 2.500m^2 đất vườn rừng tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là thôn Lâm xã H, tỉnh Tuyên Quang), nếu ông Đ bà L không nhất trí thì ông bà đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 ngày 28/12/2009 do UBND huyện Q đã cấp năm 2009 cho hộ ông Mồng Văn Đ và Ma Thị L.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Ma Văn T đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nông Thị T1 theo giấy ủy quyền lập ngày 08/5/2024 tại UBND xã Đ, bà T1 có toàn quyền quyết định mọi vấn đề theo nội dung khởi kiện từ khi làm đơn đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, đơn trình bày về nguồn gốc đất của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Toàn bộ diện tích đất mà anh Mồng Văn Đ và chị Ma Thị L được UBND huyện Q, tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 ngày 28/12/2009, tại thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang) có nguồn gốc từ thời ông cha để lại như cụ Mồng Văn M1, ông Mồng Văn H1 khai phá và sử dụng từ những năm 1927, lúc đó có dựng nhà ở sinh sống, canh tác sản xuất trồng rừng, trồng sắn và làm nơi chôn cất mồ mả của gia tộc họ Mồng. Sau khi giải thể hợp tác xã các cụ già yếu không làm được nên đã chuyển toàn bộ diện tích đất đã khai phá cho con trai là Mồng Văn C (Mồng Đức C). Năm 2009 ông Mồng Đức C là bố đẻ của anh Đ có chia tách cho các con là Mồng Văn C1 và Mồng Văn Đ (hiện nay ông Mán ông H và ông C đã chết), trong đó vợ chồng anh Đ được một phần là 12424,0m^2 đất rừng sản xuất tại thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2 được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 ngày 28/12/2009, từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh Đ, chị L cũng chưa trồng cấy hoặc canh tác gì trên diện tích đất đó. Đến tháng 10 năm 2023 bà Nông Thị T1 gửi đơn đến UBND xã Đ để giải quyết và yêu cầu vợ chồng anh Đ chị L trả lại khoảng 2.500m^2 đất vườn rừng tại thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2 được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 ngày 28/12/2009. Trong quá trình thôn, xã giải quyết và qua kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Mồng Văn Đ thì thấy rằng diện tích đất mà gia đình bà T1 khởi kiện yêu cầu anh Đ chị L trả lại là đất có nguồn gốc của bố mẹ anh Đ để lại, gia đình bà T1, ông T lấn chiếm để trồng cây chứ không phải đất của bà T1 và bà T1 cũng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ có sổ lâm bạ, đây không phải là tài liệu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất cho ông Tùy, nên việc gia đình bà T1 yêu cầu trả lại đất là không có căn cứ nên vợ chồng anh Đ không nhất trí.

Quá trình giải quyết, bị đơn anh Mồng Văn Đ, chị Ma Thị L đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Mông Đức L1 theo giấy ủy quyền lập ngày 20/5/2024, ông L1 có toàn quyền quyết định mọi vấn đề từ khi Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết đến khi kết thúc vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

Tại các biên bản xác minh ngày 04/3/2025 (BL số 86 - 93) của Tòa án đối với ông Nông Văn T4 là trưởng thôn T, bà Mai Thị L2 là trưởng thôn L đều trình bày không biết về nguồn gốc và diện tích đất tranh chấp, đối với ông Hoàng Văn C6 trú tại: Thôn L; bà Mồng Thị D1 trú tại: Thôn T xã Đ (nay là xã H - Tuyên Quang) thì đều trình bày họ không biết về nguồn gốc và diện tích đất tranh chấp nhưng chỉ biết gia đình bà T1 ông Tùy trồng cây keo được khoảng 15 - 20 năm.

Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án nguyên đơn có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đối với diện tích đất tranh chấp. Ngày 08/4/2025 Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản kết quả cụ thể như sau:

*** Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:**

- Diện tích ông Đ chỉ ranh giới nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8.381,7m^2

- Diện tích ông Đ không chỉ ranh giới nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.042,5m^2

- Diện tích ông Đ chỉ ranh giới nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.331,5m^2

* Kết quả đo đạc phần diện tích đất tranh chấp có diện tích là 3.390m^2; (đất rừng sản xuất) đã được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Sổ lâm bạ vào cho ông Ma Văn Tùy vào ngày 15/5/1992 được thể hiện trên sơ đồ qua các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 khép về điểm 1, có tứ cận:

- Phía Đông tiếp giáp đất của ông Đ, bà L; từ điểm 1 đến điểm 2 kích thước 19,97m; từ điểm 2 đến điểm 3 kích thước 18,35m; từ điểm 3 đến điểm 4 kích thước 48,99m; từ điểm 4 đến điểm 5 kích thước 14,29m.

- Phía Tây giáp đất của ông Đ, bà L; từ điểm 6 đến điểm 7 kích thước 34,92; từ điểm 7 đến điểm 8 kích thước 40,53m; từ điểm 8 đến điểm 9 kích thước 47,90m.

- Phía Nam giáp đất của ông Đ, bà L; từ điểm 5 đến điểm 6 kích thước 30,19m.

- Phía Bắc giáp đất của bà Dụng, từ điểm 9 đến điểm 10 kích thước 14,61m; từ điểm 10 đến điểm 11 kích thước 25,22m; từ điểm 11 về điểm 1 kích thước 4,45m.

Qua kiểm tra lồng ghép vị trí thửa đất đo đạc lên bản đồ lâm nghiệp xã Đ tờ bản đồ số 2; tỷ lệ (1/10.000) của UBND xã Đ như sau:

- Diện tích bà T1 chỉ ranh giới nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ, bà L là 2.936m^2.

- Diện tích bà T1 chỉ ranh giới nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 454m^2.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo biên bản)

* Trên diện tích đất tranh chấp 3.390m^2 có tài sản gắn liền với đất là 563 cây keo trồng năm thứ 2, cây cao 2-2,5m, đường kích gốc từ 2-5 cm.

*** Kết quả định giá tài sản:** Diện tích đất các đương sự tranh chấp là 3.390m^2, trên đất có 563 cây keo do gia đình bà T1 trồng năm thứ 2 (cây cao từ 2-2,5m, đường kích gốc từ 2-5 cm) Hội đồng định giá giá trị quyền sử dụng đất và giá trị cây trồng trên đất là 64.474.600 đồng *(sáu mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm đồng)*.

Ngày 02/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang có biên bản làm việc với đại diện UBND xã Đ, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Q, Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Q để xác minh diện tích đất mà gia đình bà

Nông Thị T1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Mồng Văn Đ và bà Ma Thị N trả lại ở vị trí nào, có nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ bà L không, diện tích là bao nhiêu. Diện tích đất ông Đ bà L cấp đổi từ đất của ông Mồng Văn C sang có đúng trình tự không và đúng vị trí hay không.

Qua kiểm tra lồng ghép vị trí thửa đất đo đạc lên bản đồ lâm nghiệp xã Đ tờ bản đồ số 2; tỷ lệ (1/10.000) của UBND xã Đ như sau:

Diện tích đất mà gia đình bà T1 khởi kiện là 2.936m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ bà L được cấp năm 2009, Việc ông Đ bà L cấp đổi từ ông Mồng Văn C cũng không đúng thành phần, cụ thể là không có hợp đồng tặng cho, khi cấp không đúng vị trí ngoài thực địa. Từ những lý do trên Tòa án có đưa Ủy ban nhân dân huyện Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại buổi hòa giải ngày 26/6/2025 nguyên đơn và bị đơn nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng không thỏa thỏa được với nhau về cách giải quyết cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 2.936 m^2 vườn rừng theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, bị đơn không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn. Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác nhận: Trong quá trình cấp đổi đất từ ông Mồng Văn C cho hộ ông Mồng Văn Đ có sự nhầm lẫn không đầy đủ về thủ tục, không đúng vị trí như trong biên bản làm việc nên đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Mồng Văn Đ. Ngày 11 tháng 7 năm 2025 Tòa án tiếp tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã H (là đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện Q sau khi sáp nhập). Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Bá T2 - Chủ tịch UBND xã H. Người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Quang H6 - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế xã H, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên tại buổi hòa giải nguyên đơn vắng mặt, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm và có đơn đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Mồng Văn Đ. Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Mồng Văn Đ. Kết quả hòa giải các bên đương sự không thống nhất, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nông Thị T1 có thay đổi yêu cầu khởi kiện từ buộc vợ chồng ông Đ bà L trả lại diện tích đất 2.936m^2 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2025) thành yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.936m^2 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2025), đối với yêu cầu hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L ngày 28/12/2009 thì bà vẫn giữ nguyên. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu trên không vượt qua yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được xem xét giải quyết.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Mồng Đức L1 vẫn giữ nguyên quan điểm: Thứ nhất là đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, thứ hai là đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thứ ba là không nhất trí trả lại diện tích đất nêu trên cho gia đình bà T1 với lý do: Nguồn gốc diện tích 12424,0m^2 đất rừng sản xuất tại thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2 được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 ngày 28/12/2009 cho người sử dụng đất là ông Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L là của ông cha để lại từ mấy đời trước, bố mẹ ông để lại, năm 1997 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mồng Văn C (Mồng Đức C), năm 2009 cấp đổi cho anh Mồng Văn Đ, Ma Thị L một phần diện tích đất của ông Chu, còn đối với gia đình bà T1 không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ có sổ lâm bạ nên không có căn cứ để chứng minh đất đó là của gia đình bà T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang ông Nguyễn Bá T2. Đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Quang H6 - Chức vụ Phó trưởng phòng kinh tế xã H, tỉnh Tuyên Quang vắng mặt, có đơn trình bày:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Q cấp ngày 29/4/1997 cho ông Mồng Văn C, địa chỉ thửa đất xóm 2, thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang có tổng diện tích là 73.774m^2, trong đó có đất ở, đất vườn, đất ao, đất lúa, đất rừng, đến năm 2009 ông Mồng Văn C tách cho con là Mồng Văn Đ và Ma Thị L 12424,0m^2 đất rừng sản xuất tại thửa số 578, tờ bản đồ số 2. Tuy nhiên sau khi kiểm tra xác minh và căn cứ vào các tài liệu đã thu thập từ các cơ quan chuyên môn như:

- Biên biên xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 08 tháng 4 năm 2025;

- Quyết định về việc công nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định và cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử đất lâm nghiệp xã Vô Điếm số 4593/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND huyện Q;

- Tờ bản đồ lâm nghiệp xã Đ năm 1996, tỷ lệ: 1/5.000;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 29/4/1997 cho ông Mồng Văn C;

- Biên bản làm việc ngày 02/6/2025 giữa Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh huyện Q, cán bộ phòng Nông nghiệp và môi trường huyện Q, Chủ tịch UBND xã Đ, huyện Q.

Trên cơ sở lồng ghép bản đồ cấp đất năm 1997 với bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 nhận thấy vị trí đất ông Mồng Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981, ngày 28/12/2009, thuộc thửa số 578, tờ bản đồ số 2, bản đồ lâm nghiệp thì thấy rằng diện tích đất của gia đình anh Mồng Văn Đ được cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mồng Văn C là không đúng vị trí ngoài thực địa cụ thể: Thửa đất 23, tờ bản

đồ 358, diện tích 48.800m^2 (đất rừng) đã cấp cho ông Mồng Văn C năm 1997, khi cấp đổi GCNQSD đất cho ông Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L được xác định thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 357 (HN-72), bản đồ lâm nghiệp xã Đ tại vị trí hiện đang tranh chấp.

Từ những lý do trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Q cấp ngày 28/12/2009 cho người sử dụng đất là Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L, địa chỉ thửa đất thôn Lâm, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang có quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp quyền sử dụng đất về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 luật Tố tụng hành chính năm 2015, Điều 2 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tố tụng hành chính năm 2025 nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xác định "Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Trong quá trình thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành cơ bản đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981, ngày 28/12/2009 cấp cho hộ ông Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L tại thửa số 578, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là thôn L, xã H, tỉnh Tuyên Quang). Giao lại 2.936m^2 đất (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2025) cho ông T và bà T1 tiếp tục sử dụng.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm đinh tại chỗ và định giá tài sản nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 08/5/2024, ông Ma Văn T và bà Nông Thị T1 nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 -Tuyên Quang)

giải quyết về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và có yêu cầu hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 9 Điều 26 và Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Điều 2 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tố tụng hành chính năm 2025 nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn ông Ma Văn Tùy nhưng ông T đã ủy quyền cho bà Nông Thị T1, vắng mặt bị đơn là anh Đ và chị L nhưng đã ủy quyền cho ông Mồng Đức L1, vắng mặt người có quyền lợi liên quan là Chủ tịch UBND xã H, đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Quang H6 nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì trước đó họ đã có lời khai, tài liệu, đơn xin giải quết vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ buộc vợ chồng ông Đ bà L trả lại diện tích đất 2.936m^2 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2025) thành yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.936m^2 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2025), đối với yêu cầu hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L ngày 28/12/2009 thì bà vẫn giữ nguyên. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu trên không vượt qua yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.936m^2 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2025), Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/5/2024 và bản tự khai ngày 28/5/2024 (BL số 29), biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2024 (BL số 52-53), biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 25/3/2025 (BL số 96 - 97) của nguyên đơn bà Nông Thị T1 trình bày về nguồn gốc là do năm 1987 bà cùng chồng là ông Ma Văn T khai phá đất vườn rừng tại thôn T, xã Đ, huyện Q để trồng sắn, đến tháng 4 năm 1992 ông Ma Văn T có đơn xin mượn đất làm vườn rừng, tháng 5 năm 1992 gia đình bà được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là xã H, tỉnh Tuyên Quang) cấp sổ Lâm bạ với tổng diện tích là 0,55 ha có tứ cận, phía Đông giáp đất hoang, phía Tây giáp khe + nhà, phía Nam giáp đầm lầy, phía Bắc giáp đất nhà ông Ma Trọng H7. Từ năm 1987 đến năm 1990 gia đình bà trồng sắn, từ năm 1991 đến nay gia đình bà trồng cây keo, từ khi trồng đến nay thu hoạch và bán được 03 lần cụ thể: Lần thứ nhất và lần thứ hai bán cho ông Nguyễn Đình T4 ở thôn T xã Đ, huyện Q được khoảng 5 - 7 triệu đồng (do lâu ngày bà không nhớ chính xác). Lần thứ ba bán cho anh Nguyễn Văn D ở thôn Txã Đ được 13 triệu đồng, từ ngày khai phá đến nay gia đình bà vẫn đang sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai và hiện nay vẫn đang trồng cây keo. Việc gia đình bà T1 sử dụng ổn định 36 năm liên tục (từ năm 1987 đến nay) gia đình ông Đ bà L biết nhưng không có ý kiến gì và

hai bên cũng không xảy ra tranh chấp, điều đó khẳng định gia đình bà T1 ông Tùy là người sử dụng ngay tình nên cần giao cho bà T1 ông Tùy tiếp tục sử dụng là có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 tại thửa số 578, tờ bản đồ số 2 có diện tích 12424,0m^2 cấp ngày 28/12/2009 cho hộ ông Mồng Văn Đ và Ma Thị L. HĐXX xét thấy:

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2, diện tích 12424,0m^2 địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2 được UBND huyện Q cấp quyền sử dụng đất ngày 28/12/2009 cho hộ ông Mồng Văn Đ, sinh năm 1975 và bà Mai Thị L, sinh năm 1978 địa chỉ tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Q đã cung cấp 01 bộ hồ sơ về thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ AQ 226981(BL số 61 đến BL số 75); 01 quyết định số 4593/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND huyện Q về việc công nhận QSD đất, giấy chứng nhận QSD cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ổn định và cấp đổi, cấp lại giấy CNQSD đất lâm nghiệp xã Đ kèm theo danh sách các chủ sử dụng đất đủ điều kiện cấp đổi giấy CNQSD đất xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang trong đó có hộ ông Mồng Văn Đ và tờ bản đồ lâm nghiệp xã Đ năm 1996, tỷ lệ 1/5000 (BL số 139 đến BL số 154).

[6] Về thẩm quyền và phạm vi: UBND huyện Q cấp đúng thẩm quyền và phạm vi nơi UBND huyện có đất đúng theo khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn việc kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ.

[7] Về đối tượng: Căn cứ vào các tài liệu Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Q cung cấp nhận thấy, hộ ông Mồng Văn Đ được cấp đổi giấy CNQSD đất từ GCNQSD đất của ông Mồng Văn C. Tuy nhiên hồ sơ về thủ tục kê khai của ông Mồng Văn Đ không có tài liệu thể hiện lý do chuyển đổi đất từ ông Mồng Văn Chu là do được tặng cho, được thừa kế hay được chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Không xác định được đối tượng cấp đổi GCNQSD đất theo Điều 49 Luật đất đai năm 2003 và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn việc kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ.

[8] Về trình tự, thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ: Theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/4/2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai năm 2003 đối với việc giao đất, cho thuê đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, … đất nông nghiệp khác đối với hộ gia đình, cá nhân thì:

*"b) **Uỷ ban nhân dân xã**, phường, thị trấn **có trách nhiệm thẩm tra**, ghi ý kiến xác nhận vào đơn xin giao đất, thuê đất về nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp đủ điều kiện và gửi đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường;*

*c) **Văn phòng đăng ký** quyền sử dụng đất **có trách nhiệm xem xét lại hồ sơ**; trường hợp đủ điều kiện thì làm trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính và gửi đến Phòng Tài nguyên và Môi trường;*

*d) **Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra** các trường hợp xin giao đất, thuê đất, **xác minh thực địa** khi cần thiết, trình Uỷ ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp được thuê đất".*

[9]. Tại điểm a khoản 2 Điều 135 Nghị định này quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại xã, thị trấn như sau:

*"a) **Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm thẩm tra, xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất**; trường hợp người đang sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai thì thẩm tra, xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét Dệt; công bố công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn trong thời gian mười lăm (15) ngày; xem xét các ý kiến đóng góp đối với các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường;*

*b) **Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ;** xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ghi ý kiến đối với trường hợp không đủ điều kiện; trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì làm trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính; gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp người sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; gửi hồ sơ những trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo trích lục bản đồ địa chính, trích sao hồ sơ địa chính đến Phòng Tài nguyên và Môi trường;*

*c) **Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ**, trình Uỷ ban nhân dân cùng cấp quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất";*

[10] Đối chiếu với hồ sơ về thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận QSD đất có số vào sổ AQ 226981 được UBND huyện cấp ngày 28/12/2009 do Văn văn phòng đăng ký đất đai cung cấp gồm có: 01 đơn xin cấp lại, đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mồng Văn Đ; 02 đơn xin cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của ông Mồng Văn Đ; 01 đơn xin giao đất lâm nghiệp của ông Mồng Đức Chu; 01 đơn xin đăng ký biến động đất đai; 04 biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa; 04 biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất; sổ hộ khẩu gia đình ông Đ (BL số 61 đến BL số 76). Qua xem xét hồ sơ, nhận thấy:

Thứ nhất: Việc hộ ông Mồng Văn Đ xin cấp đổi thửa đất số 578 tờ bản đồ số 2 diện tích 12424,0m^2 nhưng trong đơn không nêu lý do cấp đổi, người viết đơn ông Mồng Văn Đ không ký, không ghi ngày tháng năm viết đơn; trong đơn không không có thông tin của giấy chứng nhận QSD đất xin cấp đổi (Bút lục số 61). Không có giấy chứng nhận QSD đất trong trường hợp cấp đổi.

Thứ hai: Kết quả thẩm tra ngày 29/4/2009 của Văn phòng đăng ký QSD đất thể hiện: hồ sơ đầy đủ, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất, tuy nhiên thủ trưởng của Văn phòng đăng ký đất đai không ký nhận (Bút lục số 61); hồ sơ xin cấp đổi không có xác nhận của Cơ quan Tài nguyên và môi trường.

Thứ ba: 01 đơn xin giao đất lâm nghiệp của ông Mồng Đức Chu; 01 đơn xin đăng ký biến động đất đai; 04 biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa; 04 biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất: Là những tài liệu thể hiện quá trình cấp đất của ông Mồng Đức Chu vào năm 2003, tất cả những tài liệu trên không có chữ ký xác nhận và con dấu của Cơ quan tài nguyên và môi trường nhưng vẫn được sử dụng để làm căn cứ cấp đổi cho ông Mồng Văn Đ là không phù hợp.

[11] Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2025, trích đo bản đồ địa chính hệ tọa độ VN-2000, thôn Lâm, tờ bản đồ số 2 xem xét thẩm định tại chỗ giữa nguyên đơn Ma Văn T và bị đơn Mồng Văn Đ; xét thấy, cơ quan chuyên môn chưa thẩm tra, xác nhận về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất, chưa xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và ý kiến của các hộ sử dụng đất liền kề nên đã cấp cả phần diện tích đất của hộ ông Ma Văn T vào GCNQSDĐ của hộ ông Mồng Văn Đ (Bút lục số 115 đến số 119). Căn cứ vào quyết định về việc công nhận QSD đất, giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ổn định và cấp đổi lại giấy chứng nhận QSD đất lâm nghiệp xã Vô Điếm số 4593/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND huyện Q, căn cứ vào bản đồ lâm nghiệp xã Đ năm 1996, tỷ lệ 1/5000; căn cứ vào giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 29/4/1997 cho ông Mồng Văn C; trên cơ sở lồng ghép bản đồ cấp đất năm 1997 với bản đồ cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2009 nhận thấy vị trí đất ông Mồng Văn Đ được cấp giấy chứng nhận QSD đất số AQ 226981 ngày 28/12/2009 thuộc thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2, được xác định là thửa đất số 129, tờ bản đồ 357, còn thửa đất của ông Mồng Văn C là thửa đất số 23, tờ bản đồ 358 có diện tích 48.800m^2. Như vậy, giấy chứng nhận QSD đất số AQ 226981 ngày 28/12/2009 thuộc thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2 cấp cho ông Mồng Văn Đ nguồn gốc được cấp đổi từ GCN của ông Mồng Văn C không đúng vị trí ngoài thực địa. Như vậy là có vi phạm về trình tự, thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ.

[12] Ông Vũ Quang H6 - đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang có ý kiến như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 ngày 28/12/2009 đã cấp cho ông Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L tại thửa số 578, tờ bản đồ số 2, nguồn gốc cấp đổi từ GCNQSD đất của ông Mồng Văn C không đúng vị trí ngoài thực địa. Về trình tự thủ tục cấp giấy CNQSD đất không đúng, đề nghị Tòa án tuyên hủy giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Mồng Văn Đ và bà Ma Thị L. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận đất số AQ 226981 do UBND huyện Q cấp ngày 28/12/2009 tại thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2 với tổng diện tích 12.424,0m^2 mang tên người sử dụng là Mồng Văn Đ, Ma Thị L, địa chỉ thửa đất tại thôn Lâm, xã Vô Điếm là có cơ sở chấp nhận.

[13] Từ những phân tích nêu trên. HĐXX xét thấy trong quá trình cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ bà L không đúng vị trí ngoài thực địa, khi cấp không có các hộ giáp ranh liền kề ký, hơn nữa từ khi được cấp đất gia đình anh Đ chị L cũng không sử dụng và ý kiến đề nghị của đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã Bằng Hành đề nghị hủy là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[14] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tại phiên tòa cho rằng việc nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, và đề nghị Hội đồng xét xử giao 2.936m^2 (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2025) cho ông Tùy và bà T1 sử dụng.

[15] Chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyên chịu tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.300.000đ (Bẩy triệu ba trăm nghìn đồng), đã nộp đủ.

[16] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[17] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 34, 39, 147, 157, 165, 227, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 luật Tố tụng hành chính năm 2015, Điều 2 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tố tụng hành chính năm 2025; Điều 15, 175 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37, khoản 2 Điều 52, Điều 122, Điều 123 Luật đất đai năm 2003; khoản 5 điều 166, khoản 2 điều 170 và khoản 1 điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn T và bà Nông Thị T1.

1. Giao cho ông Ma Văn Tùy và bà Nông Thị T1 được quản lý sử dụng 2.936m^2 đất vườn rừng tại thửa số 578, tờ bản đồ số 2 tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là thôn L, xã H, tỉnh Tuyên Quang) theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2025, vị trí ranh giới thửa đất được thể hiện trên sơ đồ qua các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 khép về điểm 1 có kích thước các cạnh như sau:

Phía Đông tiếp giáp đất của ông Đ, bà L; từ điểm 1 đến điểm 2 kích thước 19,97m; từ điểm 2 đến điểm 3 kích thước 18,35m; từ điểm 3 đến điểm 4 kích thước 48,99m; từ điểm 4 đến điểm 5 kích thước 14,29m.

Phía Tây giáp đất của ông Đ, bà L; từ điểm 6 đến điểm 7 kích thước 34,92; từ điểm 7 đến điểm 8 kích thước 40,53m; từ điểm 8 đến điểm 9 kích thước 47,90m.

Phía Nam giáp đất của ông Đ, bà L; từ điểm 5 đến điểm 6 kích thước 30,19m.

Phía Bắc giáp đất của bà Dụng, từ điểm 9 đến điểm 10 kích thước 14,61m; từ điểm 10 đến điểm 11 kích thước 25,22m; từ điểm 11 về điểm 1 kích thước 4,45m. (*Có sơ đồ kèm theo*).

Ông Tùy bà T1 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226981 do UBND huyện Q cấp ngày 28/12/2009 cho hộ ông Mồng Văn Đ, Ma Thị L đối với thửa số 578, tờ bản đồ số 2 có diện tích 12.424,0m^2 tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang (nay là thôn L, xã H, tỉnh Tuyên Quang). (*Có sơ đồ kèm theo*).

Ông Đ, bà L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp lại diện tích đất tại GCNQSDĐ số AQ 226981 do UBND huyện Q cấp ngày 28/12/2009 tại thửa đất số 578, tờ bản đồ số 2 với tổng diện tích 12.424,0m^2.

Ủy ban nhân dân xã H có trách nhiệm thu hồi GCNQSDĐ số AQ 226981 do UBND huyện Q cấp ngày 28/12/2009 cho ông Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L để cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L đối với diện tích đất rừng sản xuất theo đúng vị trí ranh giới theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nông Thị T1 tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng), đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mồng Văn Đ, bà Ma Thị L phải liên đới chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 -Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Bằng Hành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhung